

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-PT
Ngày: 10-01-2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản
trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1948;
2. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1974;
3. Ông Phạm Trung LC, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Xóm 6, BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. *Các nguyên đơn có mặt tại phiên toà.*

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Trung R, sinh năm 1931;

2. Ông Phạm Trung K (tên gọi khác: K), sinh năm 1955;

3. Ông Phạm Hồng Đ, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Xóm 6 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. Ông R vắng mặt, ủy quyền cho ông Phạm Trung TH; ông TH, ông Đ, ông K có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng; Đại diện theo pháp luật: ông Lâm Đức X - ủy quyền cho ông Lý Minh S – Chức vụ: Trưởng phòng TN và MT huyện HA; ông S vắng mặt có lý do.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm 2 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

3. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm NM, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

3. Ông Phạm Trung LG, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 6 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người làm chứng:

1. Ông Lương Văn P, sinh năm 1932;

2. Ông Lương Văn X, sinh năm 1957;

3. Ông Phạm Trung C, sinh năm 1935.

Cùng địa chỉ: Xóm 6 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. *Đều vắng mặt tại phiên tòa.*

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Trung R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/6/2021, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Là di sản thừa kế của bố, mẹ chồng tôi là ông Phạm Trung N và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết) để lại cho chồng tôi là ông Phạm Trung V (đã chết). Thửa đất số 79, tờ bản đồ 62, tổng diện tích 802m², phần đất tranh chấp là 302m², đất có 02 thửa, một phần cao hơn là đất rẫy, một phần thấp hơn là đất bồi.

Về quá trình sử dụng đất: Năm 1966 tôi về làm dâu được canh tác trồng rau màu trên đất tranh chấp đến bây giờ. Cụ thể: trước khi giải thể hợp tác xã (HTX) vợ chồng tôi được dựng lều chăn nuôi Trâu ở đó. Năm 1999 do tuổi cao, sức yếu chồng tôi về nhà ở trên xóm, cho hai vợ chồng con trai là LC và L xuống tiếp quản. Năm 2005 hai vợ chồng LC và L dỡ lán và xây nhà cấp 4 để ở, tại thời điểm xây nhà gia đình ông R cũng biết nhưng không có ý kiến gì, đến khi có việc

khai thác cát thì ông R mới nói và tranh chấp phát sinh đòi lại đất và yêu cầu gia đình tôi tự phá dỡ nhà, gia đình tôi không nhất trí vì lý do khi chồng tôi ông V còn sống thì ông R không có ý kiến gì. Ông R cho con cháu của ông R đến phá nhà, cây cối, hoa màu của các con tôi, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đồng nguyên đơn ông LC và bà L trình bày: Năm 2018 ông R đã chỉ đạo con trai ông tên K (tức K) và cháu trai tên là Đ đến phá nhà, chuồng trại, giếng nước, cây cối, hoa màu của gia đình tôi xây dựng từ năm 2005, cụ thể:

- Phá dỡ toàn bộ mái nhà cấp 04 + mái bếp + mái chuồng lợn;
- Lắp 01 giếng nước miệng rộng 0,7m sâu khoảng 10m có dùng ống cống;
- Phá hoại cây cối, hoa màu gồm:
 - + 01 Khóm tre thường 25 cây, đường kính 09 – 10cm;
 - + 120 cây Chuối lá, trong đó 30 cây đường kính 20cm, 30 cây đường kính khoảng 10 – 20cm, 60 cây còn lại trồng dưới 01 năm;
 - + 10 Cây Xoài trong đó có 05 cây có quả năm đầu, 05 cây trồng được 02 năm đường kính 5cm;
 - + 10 cây đu đủ trồng trên 02 năm đã có quả được 02 năm;
 - + 05 cây đào phai có khoảng 10kg quả/ năm;
 - + 03 cây xoan trồng từ khi tan HTX, trong đó có 01 cây đường kính gốc 30cm, 01 cây đường kính gốc 35cm, 01 cây đường kính gốc 40cm;

Các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông R và các con cháu chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Phạm Trung R trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp là đất tổ tiên trao cho bà H là chị gái tôi bị mù lòa sống chung với tôi, tôi là người chăm sóc, phụng dưỡng bà H nên được hưởng phần đất của bà H.

Về quá trình sử dụng đất: Gia đình ông R đưa vào HTX nhưng là đất ven sông nên HTX không sử dụng đến và cũng không buộc hộ bà B là mẹ chồng bà T trả đất. Khi tan HTX, ông V xin gia đình tôi cho ông V bà T làm nhưng không có giấy tờ, văn bản gì, đến lúc xin làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tôi không nhất trí. Năm 1994, có tranh chấp, dòng họ giải quyết, ông V xin nên tôi vẫn cho gia đình bà T tiếp tục tăng gia sản xuất. Khi bà H mất, năm 2013 họp dòng họ, tất cả đều khẳng định đất đó là đất của gia đình tôi, phần đuôi của rẫy Mọn Hiền và bà T có hứa khi nào cháu Ch đi lấy chồng sẽ trả đất. Năm 2018, cháu gái bà T đi lấy chồng, gia đình tôi có thúc giục và thông báo cho gia đình bà T phải tháo dỡ nhà và trả lại đất nhưng gia đình bà T không giữ lời hứa nên tôi đã báo chính quyền và chỉ đạo con trai và cháu trai tôi đi tháo dỡ nhà bà L, ông LC.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp chia cho người nghèo trong

xóm, không cho gia đình bà T, đối với yêu cầu bồi thường gia đình tôi đã thông báo trước nhưng gia đình bà T không tự tháo dỡ nên tôi không chấp nhận bồi thường.

Các đồng bị đơn ông K (tức K) và anh Đ trình bày: Việc tranh chấp đất là của ông R và gia đình bà T, ông K và anh Đ chỉ làm theo sự chỉ đạo của ông R. Hai bố con ông có được tháo dỡ mái nhà còn mái chuồng lợn tại thời điểm tháo dỡ đã sụp hỏng trước, ngoài ra có được chặt cây. Nay bà L, ông LC yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại tất cả thì không nhất trí vì bản thân chỉ được tháo dỡ mái nhà còn tài sản tháo dỡ có thông báo để gia đình đến lấy nhưng gia đình không đến lấy, chúng tôi không chấp nhận bồi thường vì đó là đất của gia đình tôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện HA trình bày: Phần đất rẫy Mọn (Hiền) hiện nay ông R đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), phần của bà T chưa có GCNQSDĐ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh:

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021 tại nhà riêng ông Lương Văn N, sinh năm 1932, tại xóm 06 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng xác nhận: Ông có quan hệ là hàng xóm với cả nguyên đơn và bị đơn. Về nguồn gốc là ông H (Bố đẻ ông R) trước đây đã chia cho em trai ông N và em dâu là bà B, việc phân chia như nào không biết chỉ biết ông N, bà B và các con cháu sử dụng liên tục từ trước đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021 tại nhà riêng ông Lương Văn X, sinh năm 1975, tại xóm 06 BT, thị trấn NH xác nhận: ông có quan hệ họ hàng với nguyên đơn và bị đơn, ông gọi bà T là chị dâu, gọi ông R là anh trai, về nguồn gốc đất tranh chấp, khi tôi còn bé tôi thấy bà B (mẹ chồng bà T) dựng lán trên phần đất đang tranh chấp, còn về nguồn gốc ai cho hay của ai thì tôi không biết. Kể từ khi thành lập HTX và đến khi HTX tan rã thì gia đình bà B cùng các con cháu canh tác ở đó. Về phần rẫy Mọn Hiền ở sau nhà tôi là từ phần rẫy ngô trở ra, còn phần đất tranh chấp không phải là rẫy Mọn Hiền, chỉ là đất có các bụi tre mọc.

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021 tại nhà riêng ông Phạm Trung C, sinh năm 1935, trú tại: Tại xóm 06 BT, thị trấn NH, huyện HA xác nhận: Ông có quan hệ với nguyên đơn bà T và bị đơn ông R là chung cụ, ông R bà T gọi tôi bằng anh, về nguồn gốc đất tranh chấp, hồi còn nhỏ tôi cũng hay đi lại chỗ đất tranh chấp, đất đấy không có gì chỉ là một góc tù, ông H (bố đẻ ông R) cho bà B (mẹ chồng bà T) đến ở trên mảnh đất đó từ những năm 1950, phần đất đấy chỉ cạnh kê rẫy Mọn chứ không phải rẫy Mọn. Về phần rẫy Mọn thì hiện nay ông R vẫn đang quản lý, sử dụng, phần đất tranh chấp chỉ là phần đất bỏ hoang liền kê rẫy Mọn. Vào những năm 1950, khi tôi đi bộ đội cũng không thấy có ai nói gì đến tranh chấp, đến mấy năm gần đây tôi mới sự việc tranh chấp trên.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/6/2021 tại nhà riêng ông Phạm Trọng G, sinh năm 1936, trú tại: xóm 06 BT, thị trấn NH, huyện HA xác nhận: Ông có

quan hệ với cả hai bên nguyên, bị đơn về nguồn gốc đất tranh chấp, gia đình bà T ngày xưa không có đất, ông N chồng bà B đi lính, bố của ông R là ông H cùng các con cháu và gia đình bà B di cư xuống bờ sông ở (P 1945), sau đó gia đình bà B ở và sử dụng đến bây giờ. Thời cha, ông (ông Hoàn và B) không xảy ra tranh chấp. Phần rẫy Mọn Hiền thuộc quyền sở hữu của ông R quản lý hiện nay ông K(tức K) con trai ông R đang sử dụng và canh tác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng đã: Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 các Điều 147, 157, 232, 271, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 236, Điều 155 và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, 6, 52, 100, 125 của Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Phạm Trung LC được sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 62, có tổng diện tích thửa đất là 802m², phần đất tranh chấp là 302m² có tứ cận: Phía Đông giáp đường dân sinh, phía Nam giáp đường mòn bờ sông, phía Bắc giáp đất nhà ông Phạm Trung R, phía Tây giáp đất nhà ông Phạm Trung R.

Đồng nguyên đơn được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 62, có tổng diện tích thửa đất là 802m² và có trách nhiệm đi làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất rẫy theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất của các đồng nguyên đơn ông Phạm Trung LC và bà Lưu Thị L, tổng toàn bộ thiệt hại tài sản là 109.164.739đ (Một trăm linh chín triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

3. Buộc các đồng bị đơn: Ông Phạm Trung R, Phạm Trung K (tên gọi khác: K), anh Phạm Hồng Đ cùng địa chỉ: Xóm 6 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng phải liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho các đồng nguyên đơn ông Phạm Trung LC và bà Lưu Thị L toàn bộ tài sản bị thiệt hại tổng cộng trị giá 109.164.739đ (Một trăm linh chín triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Các đồng bị đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 5.758.000đ án phí dân sự có giá ngạch, tổng số là 6.058.000đ/ 3 người = 2.019.000đ/ 1 người. Ông R là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.019.000đ. Các đồng bị đơn ông K (tức K), anh Đ mỗi người phải nộp 2.019.000đ tiền án phí để sung Ngân sách nhà nước. Nguyên đơn bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001559 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Về chi phí tố tụng khác: Các đồng bị đơn ông R, ông K (tức K), anh Đ

phải liên đới chịu tiền chi phí đo đạc và thẩm định, định giá tài sản, cụ thể: 3.000.000đ (Tiền đo đạc bằng máy) + 1.400.000đ (Tiền xác minh, thẩm định, định giá tài sản) = 4.400.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2021 Tòa án nhận được đơn kháng cáo đề ngày 30/8/2021 của ông Phạm Trung R kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án. Cụ thể:

+ Nguồn gốc lịch sử mảnh đất và cơ sở pháp lý của đám đất rẫy Mọn Hiền ven sông Bằng (Rẫy mọn bản Đon); xác định thời hiệu quyền sử dụng đất đai khi có tranh chấp (từ khi có Luật đất đai, hay tan HTX năm 1990 tại Cao Bằng hay là trước khi chưa vào HTX năm 1959).

+ Khi tính bồi thường thiệt hại tài sản trên đất phải có hội đồng định giá, biên bản kiểm đếm của chính quyền địa phương xóm, người làm chứng, nguyên đơn, bị đơn (người tháo dỡ, chặt cây cối).

Tại phiên tòa phúc thẩm người do bị đơn Phạm Trung R ủy quyền tham gia tố tụng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đồng nguyên đơn không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông R, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần được quyền sử dụng thửa đất như bản án sơ thẩm đã tuyên, về bồi thường thiệt hại tài sản trên đất nếu phía bị đơn không chấp nhận bồi thường như bản án sơ thẩm đề nghị tòa án xem xét chuyển vụ việc đến Cơ quan điều tra xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Xét về nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất của nguyên đơn thường xuyên liên tục từ những năm 1966, quá trình sử dụng đất có dựng nhà tạm, nhà kiên cố, trồng hoa màu đến nay. Đất gia đình bà T thuộc thửa 79 tờ bản đồ số 62, đất rẫy Mọn Hiền ông R theo sổ Mục kê quyền số 02 và sổ địa chính quyền số 04 diện tích 2170m² và 578m², hiện đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 73, 79a nằm tách biệt nhau không chồng lấn nên nội dung kháng cáo của ông R là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác kháng cáo nội dung này.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất: Nhận thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm hình sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 217, Điều 289 và khoản 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại và đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Hoàng Thị T, Phạm Trung LC, Lưu Thị L nộp đơn khởi kiện ông Phạm Trung R, Phạm Trung K (tên gọi khác K), Phạm Hồng Đ tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường tài sản trên đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất yêu cầu bồi thường tài sản trên đất*” là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp thửa đất tại xóm 6 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng, các nguyên đơn và bị đơn đều sống tại địa chỉ: Xóm 6 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng, do đó Tòa án nhân dân huyện HA thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về bồi thường tài sản trên đất: Tổ chức, cá nhân khi phát sinh tranh chấp có quyền lựa chọn cách thức giải quyết phải phù hợp quy định của pháp luật (kiếu nại, khởi kiện, thi hành án) việc các bị đơn tự ý tháo dỡ nhà, chuồng trại, lấp giếng, chặt phá di dời cây cối, hoa màu trên thửa đất đang tranh chấp có dấu hiệu phạm pháp hình sự, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết về bồi thường tài sản khi chưa có ý kiến, kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, loại việc.

[3] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị C, Phạm Thị M, Phạm Trung LG đã có ủy quyền tham gia tố tụng nhưng cấp sơ thẩm không xác định họ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đưa họ vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục, những người được Tòa xác minh làm rõ, đều khai biết việc các bên tranh chấp với nhau, trường hợp được tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì đều đồng ý để bà T, ông LC có quyền quản lý sử dụng thửa đất đang tranh chấp, không có yêu cầu được hưởng tài sản.

Do đó cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm trong thời gian tới khi giải quyết những vụ án tương tự, cần tránh những thiếu sót như nêu ở trên, đảm bảo tuân thủ các quy định về thủ tục để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[4] Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngày 17/8/2021 Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất*” giữa các nguyên đơn Hoàng Thị T, Phạm Trung LC, Lưu Thị L và các bị đơn Phạm Trung R, Phạm Trung K (tên gọi khác K), Phạm Hồng Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt các bị đơn Phạm Trung R, Phạm Trung K, Phạm Hồng

Đ, ngày 26/8/2021 các bị đơn nhận được bản án. Đến ngày 06 tháng 9 năm 2021 ông Phạm Trung R có đơn kháng cáo tại tòa án. Đơn kháng cáo của đương sự được gửi trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật. Như vậy, đơn kháng cáo của đương sự là hợp pháp.

[5] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Phạm Trung R: Tại đơn kháng cáo ông R kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp giữa gia đình bà Hoàng Thị T và ông Phạm Trung R thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 62, có tổng diện tích thửa đất là 802m², phần đất tranh chấp là 302m², nằm trong tổng diện tích 802m² có tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp đường dân sinh, phía Nam giáp đường mòn bờ sông, phía Bắc giáp đất nhà ông Phạm Trung R, phía Tây giáp đất nhà ông Phạm Trung R. Thửa đất tranh chấp hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T cho rằng là di sản thừa kế của bố, mẹ chồng tôi là ông Phạm Trung N và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết) để lại cho chồng tôi là ông Phạm Trung V (đã chết). Bị đơn ông Phạm Trung R cho rằng đất tranh chấp là đất tổ tiên trao cho bà H là chị gái tôi bị mù lòa sống chung với tôi, tôi là người chăm sóc, phụng dưỡng bà H nên được hưởng phần đất của bà H. Tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đều không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về nguồn gốc đất.

Về quá trình quản lý, sử dụng: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện: Bà B là mẹ chồng của bà T đã dựng lán chăn nuôi ở thửa đất hiện nay đang tranh chấp từ những năm trước khi thành lập HTX, khi HTX thành lập có đưa phần đất đang tranh chấp vào HTX nhưng do đất tranh chấp là góc tù, có bụi tre mọc nên HTX không canh tác đến, gia đình bà B vẫn canh tác sử dụng từ thời điểm đó, sau khi tan HTX gia đình bà B, cụ thể là ông V và bà T vẫn tiếp tục canh tác ở chỗ đất tranh chấp. Năm 2005 ông V sức khỏe yếu chuyển về nhà ở trên xóm thì con trai LC và con dâu xuống xây nhà và làm chuồng trại để chăn nuôi. Đến năm 2013 mới phát sinh tranh chấp. Do vậy, có thể khẳng định gia đình bà B gồm bà B và các con, ông V, bà T, ông LC bà L đã được quản lý, sử dụng liên tục từ khi trước thành lập HTX những năm 1960 cho đến năm 2013 là đã hơn 30 năm. Đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 BLTTDS. Căn cứ Điều 326 Bộ luật dân sự về Xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được V về tài sản không có căn cứ pháp luật: *“Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*.

Mặt khác, phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 62 còn đất rẫy Mọn của gia đình ông R theo sổ mục kê quyền số 02 và sổ địa chính quyền số 04 diện tích 2170m² và 578m² và hiện nay đã được cấp GCNQSD đất thuộc thửa đất số 73, 79a nằm tách biệt nhau không chồng lấn, lấn chiếm nên ông R tranh chấp cho rằng phần đất này thuộc đám rẫy Mọn Hiền là không có căn cứ. Qua nhiều lần nhà nước thực hiện các chính sách về đất đai (năm 1993 đến năm 1995; năm 2003 đến năm 2005), gia đình ông R đã thực hiện việc kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê khai thửa đất đang tranh chấp, gia đình bà T ông LC vẫn quản lý sử dụng.

Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu được sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 62, có tổng diện tích đất là 802m², phần đất tranh chấp là 302m² của gia đình bà T là có căn cứ. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trung R về việc đòi quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của nguyên đơn Phạm Trung LC và Lưu Thị L, HĐXX xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ xác định ông R, ông K (K), anh Đ có hành vi tháo dỡ nhà, chuồng trại, lấp giếng, chặt phá cây cối, hoa màu trên đất. Tổng tài sản bị thiệt hại được định giá theo bộ luật tố tụng dân sự xác định có giá trị: 109.164.739đ (Một trăm linh chín triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng). Sự việc trên đã được Công an xã BT, thị trấn NH, huyện HA tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết, Công an xã đã ban hành thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm ngày 03/6/2019, kết quả giải quyết theo đơn trình báo như sau: “*Ban công an xã BT đã kiểm tra, xác minh việc ông Phạm Trung K phá hoại một số tài sản trên mảnh đất nêu trên trong đơn trình báo là có thật*”.

Theo quy Đ tại khoản 2, khoản 3, Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định như sau:

“ 2. Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự”.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, nếu cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự”.

Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/7/2017 quy định về tội Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản như sau:

“Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, tài sản là di vật, cổ hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa hoặc tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

c) ...”

Sự việc hủy hoại tài sản xảy ra ngày 20 tháng 01 năm 2018, giá trị tài sản bị hư hỏng là tương đối lớn, nguyên đơn ông LC bà L đã báo cáo chính quyền địa phương, lập biên bản kiểm đếm, chính quyền địa phương giải quyết, các đồng bị đơn thừa nhận được chỉ đạo và được chặt phá tài sản của nguyên đơn, Công an xã ra quyết định xử phạt hành chính đối với bị đơn số tiền 500.000đ nhưng không chuyển vụ việc lên Cơ quan điều tra Công an huyện HA giải quyết theo thẩm quyền, là thiếu sót về xử lý tin báo tố giác hành vi vi phạm pháp luật, các đương sự khởi kiện ra tòa án yêu cầu bồi thường, cấp sơ thẩm không xem xét trao đổi với Cơ quan điều tra về dấu hiệu tội phạm ở hành vi “*Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng tài sản*”, “*công nhiên chiếm đoạt tài sản*”, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết bồi thường thiệt hại về tài sản là thiếu sót, tại phiên tòa phúc thẩm bà T, ông LC bà L yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của ông R, ông K (K), anh Đ. Về nguyên tắc mọi hành vi phạm tội của người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật là nguyên tắc cơ bản, khi giải quyết khiếu nại, tranh chấp nếu thấy có dấu hiệu của tội phạm thì cần chuyển vụ việc đến Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền, hoặc xin ý kiến Cơ quan điều tra nếu có trả lời không có dấu hiệu tội phạm thì mới giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại như cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử có căn cứ để bác kháng cáo của ông R, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm

về Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy và đình chỉ giải quyết phần quyết định của bản án sơ thẩm về Bồi thường thiệt hại tài sản trên đất để Cơ quan điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông Phạm Trung R không được chấp nhận nên ông R phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên ông R là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 217; điểm d khoản 1 Điều 289; khoản 2, khoản 3 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Trung R, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm 05/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng về Tranh chấp quyền sử dụng đất; Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh Cao Bằng về Bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

- Căn cứ các Điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Phạm Trung LC được sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 62, có tổng diện tích thửa đất là 802m², trong đó phần đất tranh chấp là 302m² có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường dân sinh.
- Phía Nam giáp đường mòn bờ sông.
- Phía Bắc giáp đất nhà ông Phạm Trung R.
- Phía Tây giáp đất nhà ông Phạm Trung R.

Bà Hoàng Thị T, ông Phạm Trung LC được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 62, có tổng diện tích thửa đất là 802m² và có trách nhiệm đi làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất rẫy theo quy định của pháp luật.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu Bồi thường thiệt hại tài sản trên đất của các nguyên đơn ông Phạm Trung LC và bà Lưu Thị L, về bồi thường thiệt hại tài sản là 109.164.739đ (Một trăm linh chín triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng). Để Cơ quan điều tra Công an huyện HA giải quyết theo thẩm quyền.

3. Về án phí: Các đồng bị đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông R là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 100.000đ. Các đồng bị đơn ông K (tức K), anh Đ mỗi người phải nộp 100.000đ tiền án phí để sung Ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn bà Lưu Thị L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001559 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Án phí theo giá ngạch sẽ được xác định lại khi cơ quan chức năng giải quyết lại vụ việc theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng khác: Các đồng bị đơn ông R, ông K (tức K), anh Đ phải liên đới chịu tiền chi phí đo đạc và thẩm định, định giá tài sản, cụ thể: 3.000.000đ (Tiền đo đạc bằng máy) + 1.400.000đ (Tiền xác minh, thẩm định, định giá tài sản) = 4.400.000đ.

Ông Phạm Trung R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện HA;
- TAND huyện HA;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Hà Nam